

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 29 /04/2025
Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Mai Văn Chắt.
 2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2024/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Bùi Văn L – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm H, Đông C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị H – sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm A + 12, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là anh Bùi Văn L trình bày: Anh và chị Trần Thị H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 05 năm 2024 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng ba tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm và chị H lừa dối anh về vấn đề tình cảm dẫn đến vợ chồng cãi chửi

nhau, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ làm ăn sinh sống, đồng thời anh chị sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị Trần Thị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung : Anh và chị H không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là chị Trần Thị H hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ chị H là bà Phùng Thị Đ tại xóm A + 12, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho chị Trần Thị H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Trần Thị H thông qua bà Phùng Thị Đ là mẹ đẻ của chị H nhận thay và cam kết có trách nhiệm giao ngay tận tay cho chị H. Bản thân chị H cũng đã biết việc anh L khởi kiện xin ly hôn với chị nhưng chị H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị anh Bùi Văn L ly hôn chị Trần Thị H.
- Án phí: Anh Bùi Văn L nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn L có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với chị Trần Thị H có nơi cư trú tại: Xóm A + 12, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Trần Thị H, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn L và chị Trần Thị H có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 05 năm 2024 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, ngay từ đầu về sống chung anh chị đã lừa dối nhau về vấn đề tình cảm. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau gần một năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện chị H không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thể hiện: Chị Trần Thị H là con của bà Phùng Thị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại hiện xóm A + 12, xã H, huyện K. Sau khi kết hôn chị H với anh L sống với nhau một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Sau đó chị H về sống cùng gia đình mẹ đẻ chị H tại xóm A + 12 xã H. Qua nắm bắt tại cơ sở thì giữa anh L và chị H quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống bất đồng quan điểm, sống chung thời gian ngắn đã ly thân nhau nên vợ chồng anh chị không có con chung, việc anh chị không có con chung cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng hơn anh chị không có biện pháp nào khắc phục. Nay anh L có đơn xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị có cuộc sống hôn nhân ngăn ngại và không có con chung xong đã có thời gian sống ly thân nhau gần một năm nay cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Anh L và chị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L và chị H không tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Bùi Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Bùi Văn L và chị Trần Thị H (Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Anh Bùi Văn L và chị Trần Thị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Bùi Văn L và chị Trần Thị H không có tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001927 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã K, huyện Y;
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh